



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30-03-2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00149-23-2



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội,

30-03-2023

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3073-2019-007-1

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		891.313.537.869	745.687.159.145
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	132.428.793.188	100.954.999.456
Tiền	111		19.428.793.188	14.358.999.456
Các khoản tương đương tiền	112		113.000.000.000	86.596.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		570.000.000.000	470.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	570.000.000.000	470.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		116.508.367.741	84.904.294.246
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	124.853.635.725	52.274.318.795
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.006.513.922	3.927.661.038
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	26.110.992.204	38.960.436.533
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(37.462.774.110)	(10.258.122.120)
Hàng tồn kho	140	10	69.440.016.311	85.145.168.459
Hàng tồn kho	141		69.440.016.311	85.145.168.459
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.936.360.629	4.682.696.984
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.936.360.629	4.021.881.125
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	655.365.639
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	15	-	5.450.220

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		567.993.475.079	726.621.169.550
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.609.797.650	4.616.138.746
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	205.000.000	26.473.499.216
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	10.771.797.650	13.828.138.746
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(6.367.000.000)	(35.685.499.216)
Tài sản cố định	220		530.344.178.698	671.933.595.181
Tài sản cố định hữu hình	221	11	528.553.178.698	670.142.595.181
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>1.810.529.654.109</i>	<i>2.569.325.900.699</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(1.281.976.475.411)</i>	<i>(1.899.183.305.518)</i>
Tài sản cố định vô hình	227		1.791.000.000	1.791.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>2.190.877.920</i>	<i>2.190.877.920</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(399.877.920)</i>	<i>(399.877.920)</i>
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.450.080.000	1.930.350.000
Xây dựng cơ bản dở dang	242		1.450.080.000	1.930.350.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	8.166.843.634	31.003.878.105
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		1.749.423.599	23.844.423.496
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		60.587.790.000	60.587.790.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(54.170.369.965)	(53.428.335.391)
Tài sản dài hạn khác	260		23.422.575.097	17.137.207.518
Chi phí trả trước dài hạn	261		13.261.259.104	7.124.298.440
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13(a)	10.161.315.993	10.012.909.078
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.459.307.012.948	1.472.308.328.695

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		162.715.901.559	388.603.271.258
Nợ ngắn hạn	310		126.892.969.856	182.939.043.376
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	11.474.314.298	30.191.139.272
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.926.716.648	831.514.248
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	67.948.322.853	2.106.407.272
Phải trả người lao động	314		13.170.814.582	11.254.877.152
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.525.519.212	1.226.464.533
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	10.489.482.178	20.185.409.171
Vay ngắn hạn	320	18	-	56.080.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	7.562.500.000	38.642.857.143
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	11.795.300.085	22.420.374.585
Nợ dài hạn	330		35.822.931.703	205.664.227.882
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		65.277.000	165.277.000
Phải trả dài hạn khác	337		-	33.090.786
Vay dài hạn	338	18	-	180.614.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	13(b)	14.369.633.871	10.026.860.096
Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	21.388.020.832	14.825.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.296.591.111.389	1.083.705.057.437
Vốn chủ sở hữu	410	21	1.296.591.111.389	1.083.705.057.437
Vốn cổ phần	411	22	684.709.410.000	684.709.410.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		684.709.410.000	684.709.410.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	10.935.240.106	10.935.240.106
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	306.357.134.201	306.357.134.201
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		294.589.327.082	81.703.273.130
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		47.043.961.465	71.206.088.363
- LNST năm nay	421b		247.545.365.617	10.497.184.767
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.459.307.012.948	1.472.308.328.695

Người lập:

30 -03- 2023

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng



Vũ Đình Hiền
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		876.132.151.072	681.572.163.182
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	183.865.182
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	4	876.132.151.072	681.388.298.000
Giá vốn hàng bán	11		722.572.856.802	634.668.890.366
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		153.559.294.270	46.719.407.634
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	26.540.689.508	22.121.633.510
Chi phí tài chính	22	27	13.710.900.213	25.197.987.101
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>11.334.495.714</i>	<i>24.053.223.106</i>
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(22.094.999.897)	(8.760.654.998)
Chi phí bán hàng	25		3.979.289.395	4.319.922.417
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	49.076.516.135	49.412.507.582
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		91.238.278.138	(18.850.030.954)
Thu nhập khác	31	29	220.503.271.472	41.314.754.769
Chi phí khác	32		2.941.580.146	1.034.668.758
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		217.561.691.326	40.280.086.011
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		308.799.969.464	21.430.055.057
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	57.060.236.987	8.297.427.522
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	4.194.366.860	2.635.442.768
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		247.545.365.617	10.497.184.767

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		247.545.365.617	10.497.184.767
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		247.545.365.617	10.497.184.767
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	3.250	154

30 -03- 2023

Người lập:

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán




Nguyễn Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng

Vũ Đình Hiền
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	308.799.969.464	21.430.055.057
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	142.607.149.268	186.853.593.993
Các khoản dự phòng	03	(25.889.148.963)	3.543.360.716
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	296.630.395	106.844.384
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(219.273.460.056)	(46.525.486.962)
Chi phí lãi vay	06	11.334.495.714	24.053.223.106
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	217.875.635.822	189.461.590.294
Biến động các khoản phải thu	09	(27.831.068.335)	48.897.177.160
Biến động hàng tồn kho	10	15.705.152.148	10.735.222.326
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(3.326.818.290)	(34.009.919.242)
Biến động chi phí trả trước	12	(5.051.440.168)	(7.629.955.629)
		197.371.461.177	207.454.114.909
Tiền lãi vay đã trả	14	(11.588.272.556)	(24.183.646.527)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.749.999.660)	(9.980.844.318)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(11.048.915.665)	(13.426.457.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	162.984.273.296	159.863.166.364
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.017.732.785)	(4.038.688.534)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	217.772.528.163	262.199.976.382
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(960.000.000.000)	(845.000.000.000)
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24	860.000.000.000	495.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	22.710.616.727	18.782.473.966
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	139.465.412.105	(73.056.238.186)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	31	-	27.136.745.600
Tiền trả nợ gốc vay	34	(236.694.000.000)	(101.718.000.000)
Tiền trả cổ tức	36	(34.257.542.810)	(41.065.362.570)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(270.951.542.810)	(115.646.616.970)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	31.498.142.591	(28.839.688.792)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	100.954.999.456	129.883.313.714
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(24.348.859)	(88.625.466)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	132.428.793.188	100.954.999.456

30-03-2023

Người lập:

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán





Nguyễn Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng

Wu Đình Hiền
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này